

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN PHẦN MỀM KẾ TOÁN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● LÊ NGỌC ĐOAN TRANG¹ - TRẦN KIM TÚ²

¹Giảng viên Trường Đại học Sài Gòn, Email: lndtrang@sgu.edu.vn

²Sinh viên Trường Đại học Sài Gòn, Email: 3122320439@sv.sgu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508021>

TÓM TẮT:

Nghiên cứu với mục tiêu kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp thương mại dịch vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu dùng phương pháp khảo sát kết hợp với 144 phiếu khảo sát được gửi và nhận phản hồi là 94 doanh nghiệp với quy mô, lĩnh vực hoạt động về thương mại - dịch vụ khác nhau. Kết quả nghiên cứu nhận thấy năm nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thương mại - dịch vụ Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Chi phí của phần mềm kế toán, tính năng của phần mềm kế toán, yêu cầu của doanh nghiệp khi sử dụng phần mềm kế toán, nhận thức tính dễ sử dụng của phần mềm kế toán và hỗ trợ của nhà cung cấp phần mềm kế toán.

Từ khóa: lựa chọn phần mềm kế toán, phần mềm kế toán, doanh nghiệp thương mại - dịch vụ.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay hầu hết các tập đoàn lớn hàng đầu trên thế giới đều áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại để quản lý hoạt động kinh doanh của mình và xem đây là yếu tố then chốt, chìa khóa cho sự thành công của các doanh nghiệp. Do đó, để bắt kịp được xu hướng phát triển các nước trên thế giới, đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam phải không ngừng nghiên cứu và áp dụng tiến bộ của công nghệ thông

tin vào hệ thống kinh doanh và quản lý. Công cụ đắc lực nhất để hỗ trợ doanh nghiệp quản lý số liệu một cách chính xác cao đó là phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập, ghi nhận, xử lý dữ liệu kế toán một cách nhanh chóng và chính xác. Đó là lý do phần mềm kế toán trở thành trợ thủ đắc lực hỗ trợ cho cả kế toán lẫn nhà quản trị tối ưu công tác kế toán, cũng như đo lường và quản lý tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025), năm 2024, ngành Thương mại - Dịch vụ đã trở thành ngành kinh tế lớn nhất, chiếm 42,36% tổng sản phẩm trong nước (GDP); Tỷ trọng lao động có việc làm ngành Dịch vụ chiếm 20,8 triệu người, chiếm 40,1% tổng số lao động có việc làm trong nền kinh tế. Điều này cho thấy ngành Thương mại dịch vụ ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn, có ngành Thương mại - Dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong 10 năm qua, với hơn 60% GDP của Thành phố. Trong năm 2024, mức tăng trưởng Thành phố Hồ Chí Minh là 7,09% GDP và khu vực Thương mại - Dịch vụ đóng góp mức tăng 7,7% (Nguyễn Chí Hải, 2025). Do đó, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn phần mềm kế toán cho doanh nghiệp Thương mại - Dịch vụ tại TP. Hồ Chí Minh hết sức cần thiết, bởi các doanh nghiệp này thường phải xử lý khối lượng giao dịch lớn mỗi ngày. Một phần mềm kế toán phù hợp không chỉ giúp giảm tải công việc, nâng cao độ chính xác trong hạch toán, mà còn cung cấp thông tin kịp thời, hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý hiệu quả hơn. Đặc biệt, tại TP. Hồ Chí Minh - nơi tập trung số lượng lớn doanh nghiệp trên cả nước, trong đó các doanh nghiệp thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng đáng kể - thị trường phần mềm kế toán trở nên rất phong phú, tạo ra nhiều lựa chọn nhưng cũng đặt ra thách thức trong việc tìm kiếm giải pháp tối ưu.

2. Cơ sở lý thuyết

Theo nghiên cứu nước ngoài, phần mềm kế toán là công cụ ghi lại nhanh chóng và chính xác các giao dịch tài chính với chi phí tương đối thấp. Các nghiên cứu ở Việt Nam nhận ra phần mềm kế toán là bộ chương trình dùng để tự động xử lý các thông tin kế toán trên máy vi tính, bắt đầu từ khâu nhập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, xử lý thông tin trên các chứng từ theo quy trình của chế độ kế toán đến khâu in ra sổ kế toán và báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị.

Phần mềm kế toán là các ứng dụng và công cụ được tạo ra nhằm hỗ trợ công tác kế toán cho người

tổ chức sử dụng bao gồm việc ghi nhận, phân loại và báo cáo tài chính.

Yêu cầu của doanh nghiệp: nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, việc lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp thường được quyết định bởi bản chất và yêu cầu của doanh nghiệp sử dụng và có thể được xác định bằng cách phân tích các hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Nguyễn Phước Bảo Ấn (2012) chỉ ra yêu cầu của các doanh nghiệp sử dụng được đo lường trên 6 quan sát: Phù hợp với các quy định, chính sách và chế độ của doanh nghiệp đã đăng ký; Phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Phù hợp với các quy mô doanh nghiệp và đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp; Phù hợp với nhu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán; Phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu và hợp nhất báo cáo tài chính; Phần mềm phải thân thiện, dễ sử dụng, dễ kiểm tra, dễ truy xuất thông tin.

Tính năng của phần mềm kế toán: theo Nguyễn Phước Bảo Ấn (2012), phần mềm kế toán hữu ích thường bao gồm các tính năng sau: tính linh hoạt, chính xác, tính bảo mật và an toàn, tính phổ biến, cam kết bảo hành, bảo trì, khả năng song ngữ của phần mềm. Ngoài ra, theo nghiên cứu của Abu-Musa (2005), còn có các tính năng khác, như: khả năng tùy chỉnh, tạo báo cáo tài chính, cấu trúc sổ tài khoản, tính năng Web và thương mại điện tử, tiền tệ nước ngoài, liên kết với bên thứ ba,... Các tính năng của phần mềm kế toán sẽ giúp cho doanh nghiệp lựa chọn một cách tốt hơn về sự phù hợp với yêu cầu sử dụng.

Nhận thức tính dễ sử dụng phần mềm kế toán: tính dễ sử dụng rất quan trọng để người dùng cảm nhận được tính hữu ích của công nghệ thông tin và quyết định áp dụng chúng. Theo Wang & cộng sự (2018), tính dễ sử dụng được nhận thức liên quan đến mức độ mà người dùng tin rằng việc sử dụng công nghệ cụ thể sẽ dễ dàng và không phức tạp. Có nhiều nghiên cứu trước đây tin rằng, tính dễ sử dụng được cảm nhận có tác động quan trọng đến hành vi tiếp nhận và sử dụng công nghệ thông tin

của khách hàng (Venkatesh & cộng sự, 2012).

Hỗ trợ của nhà cung cấp phần mềm kế toán: uy tín và khả năng hỗ trợ từ phía nhà cung cấp được kỳ vọng có gây ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của doanh nghiệp. Theo Jadhav & cộng sự (2009), nhà cung cấp phần mềm kế toán phải đáp ứng các yêu cầu, bao gồm: hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn khắc phục sự cố, hỗ trợ bảo trì và nâng cấp, có sẵn các khóa đào tạo cơ bản về phần mềm, hỗ trợ và tư vấn, giao tiếp giữa người dùng và nhà cung cấp, cung cấp bản dùng thử, số lượt cài đặt phần mềm, thời gian đáp ứng, kinh nghiệm của nhà cung cấp, danh tiếng của nhà cung cấp, mức độ phổ biến của phần mềm kế toán, chiến lược kinh doanh của nhà cung cấp.

Chi phí của phần mềm kế toán: chi phí sử dụng phần mềm kế toán là nhân tố được quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp khi lựa chọn phần mềm kế toán. Phạm Quang Huy (2019) cho rằng, chi phí bổ thêm cho phần mềm kế toán ảnh hưởng đến việc lựa chọn phần mềm tương ứng với lợi ích của doanh nghiệp thu được.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp gồm phương pháp định tính và định lượng. Sử dụng phương pháp định tính thông qua tổng hợp các tài liệu, quy định và nghiên cứu trước đây. Mục tiêu để xác định các khoảng trống kiến thức và xây dựng một mô hình các yếu tố quan trọng. Sau đó, thực hiện nghiên cứu định lượng với dữ liệu được

thu thập thông qua việc khảo sát bằng bảng câu hỏi dựa trên thang đo Likert 5 mức độ, khảo sát được gửi đến 114 các quản lý, kế toán trưởng và nhân viên kế toán các doanh nghiệp thương mại - dịch vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô khác nhau và thu về 94 phiếu khảo sát hợp lệ. Từ đó, nghiên cứu xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS 25 và đánh giá độ tin cậy của từng thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan tuyến tính, kiểm định các giả thuyết và phân tích hồi quy đa biến cho mô hình nghiên cứu.

4. Kết quả và thảo luận

❖ Kiểm định chất lượng thang đo

Phân tích Cronbach's Alpha sử dụng để đánh giá độ tin cậy của thang đo. Kết quả kiểm định được trình bày ở Bảng 1.

Phân tích Cronbach's Alpha, được thể hiện chi tiết trong Bảng 1 cho thấy độ tin cậy của các thang đo đều đạt yêu cầu. Biến phụ thuộc gồm các quan sát LC1, LC2, LC3 và LC4 của thang đo lựa chọn phần mềm kế toán đều có hệ số tương quan cao hơn 0,3 với lần lượt là 0,581; 0,584; 0,572 và 0,56. Hệ số tổng Cronbach's Alpha tổng thang đo này là 0,731 lớn hơn hệ số 0,6. Ngoài ra, các thang đo biến phụ thuộc còn lại cũng có hệ số Cronbach's Alpha trên 0,6 và hệ số tương quan biến trên 0,3 nên đủ điều kiện phân tích EFA.

❖ Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kiểm tra độ phù hợp của EFA qua thang đo

Bảng 1. Kết quả kiểm định thang đo

Nhân tố	Số biến quan sát	Độ tin cậy Cronbach's Alpha	Đánh giá thang đo
Lựa chọn phần mềm kế toán (LC)	4	0,731	Đạt yêu cầu
Yêu cầu của doanh nghiệp khi lựa chọn phần mềm kế toán (YC)	3	0,862	Đạt yêu cầu
Tính năng của phần mềm kế toán (TN)	4	0,821	Đạt yêu cầu
Nhận thức tính dễ sử dụng của phần mềm kế toán (NT)	4	0,791	Đạt yêu cầu
Hỗ trợ của nhà cung cấp phần mềm kế toán (NCC)	3	0,792	Đạt yêu cầu
Chi phí của phần mềm kế toán (CP)	2	0,730	Đạt yêu cầu

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phân tích SPSS 25

KMO và mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett, đồng thời đánh giá sự liên kết giữa các biến quan sát.

Qua kết quả của Bảng 2 cho thấy được dữ liệu đáp ứng nhu cầu cần thiết cho EFA. Hệ số KMO đạt 0,754 ($> 0,5$), khả năng thích hợp của dữ liệu là tốt, đủ điều kiện để phân tích nhân tố phù hợp và kiểm định Bartlett, Sig = 0.0000 (Sig $< 0,05$), chứng tỏ các biến quan sát tham gia vào phân tích EFA có tính tương quan với nhau.

❖ Phân tích hồi quy đa biến

Để hiểu rõ hơn về các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phần mềm kế toán, năm nhân tố đã được chọn để phân tích hồi quy đa biến, sử dụng mô hình sau:

$$\text{LCPM} = \beta_0 + \beta_1 \text{YC} + \beta_2 \text{NT} + \beta_3 \text{TN} + \beta_4 \text{NCC} + \beta_5 \text{CP} + \varepsilon$$

Trong đó: + LCPM là biến phụ thuộc lựa chọn phần mềm kế toán.

+ YC (Yêu cầu của doanh nghiệp khi sử dụng phần mềm kế toán); NT (Nhận thức tính dễ sử dụng của phần mềm kế toán); TN (Các tính năng của phần mềm kế toán); NCC (Sự hỗ trợ của nhà cung cấp phần mềm kế toán); CP (Chi phí của phần mềm kế toán) lần lượt là các biến độc lập.

Bảng 2. Kiểm định KMO và Bartlett

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)		.754
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương	819,352
	Bậc tự do	78
	Sig (Giá trị p - value)	.000

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS 25

+ ε là hệ số nhiễu.

+ β_i là hệ số hồi quy.

❖ Kết quả hồi quy đa biến

Các biến độc lập của mô hình được hồi quy một lượt trên phần mềm SPSS 25 với kết quả thể hiện ở Bảng 3.

Phân tích hồi quy trên Bảng 3 xác định 5 nhân tố YC, NT, TN, NCC và CP có mức ý nghĩa thống kê cao (sig $<0,05$), cho thấy các yếu tố có ảnh hưởng đáng kể. Phương trình tuyến tính như sau:

$$\text{LCPM} = \beta_0 + 0,234 \text{YC} + 0,220 \text{NT} + 0,277 \text{TN} + 0,179 \text{NCC} + 0,410 \text{CP} + \varepsilon$$

❖ Mức độ giải thích của mô hình

Từ kết quả phân tích hồi quy được thể hiện ở Bảng 4, giá trị R bình phương hiệu chỉnh đạt

Bảng 3. Kết quả hồi quy đa biến

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	.156	.853		.183	.856		
YC	.188	.043	.234	4.333	.000	.892	1.121
NT	.160	.049	.220	3.286	.001	.580	1.723
TN	.229	.047	.277	4.883	.000	.810	1.235
NCC	.170	.057	.179	2.969	.004	.714	1.400
CP	.685	.102	.410	6.726	.000	.698	1.433

Nguồn: Kết quả phân mềm SPSS 25

Bảng 4. Kết quả tổng hợp mô hình

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Trị số thống kê Durbin-Watson
1	.878 ^a	.771	.758	1.15923	2.127

Nguồn: Kết quả phân mềm SPSS 25

Bảng 5. Bảng Anova

	Mô hình	Tổng bình phương	Bậc tự do (df)	Bình phương trung bình	Thống kê F	Mức ý nghĩa (Sig.)
1	Hồi quy	398.735	5	79.747	59.344	.000 ^b
	Sai sót	118.255	88	1.344		
	Tổng	516.989	93			

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS 25

mức 0,758. Điều này có ý nghĩa rằng 75,8% sự biến thiên của lựa chọn phần mềm kế toán của các doanh nghiệp, có thể được giải thích bằng sự thay đổi của các biến độc lập trong mô hình hồi quy này.

❖ *Mức độ phù hợp của mô hình*

Kết quả phân tích phương sai (ANOVA) ở Bảng 5 cho thấy giá trị thống kê F lớn và sig rất nhỏ ($F = 59,344$ và $\text{sig} = 0,000$). Biểu hiện mô hình xây dựng phù hợp với dữ liệu thu thập được, điều này cũng khẳng định mối quan hệ tuyến tính giữa biến độc lập và biến phụ thuộc.

5. Kết luận và khuyến nghị

Phương pháp của bài nghiên cứu sử dụng là phương pháp hỗn hợp, kết hợp định tính và định

lượng, nghiên cứu đã xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phần mềm kế toán của các doanh nghiệp dịch vụ thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên 94 phiếu khảo sát hợp lệ từ các doanh nghiệp quy mô khác nhau, tập trung ở quy mô vừa và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ thương mại, phân tích dữ liệu cho thấy năm yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các doanh nghiệp dịch vụ - thương mại theo thứ tự trọng yếu lần lượt như sau: Chi phí của phần mềm kế toán, tính năng của phần mềm kế toán, yêu cầu của doanh nghiệp khi sử dụng phần mềm kế toán, nhận thức tính dễ sử dụng của phần mềm kế toán, hỗ trợ của nhà cung cấp phần mềm kế toán ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nguyễn Chí Hải (2025). Kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2025: Cần có bước đột phá căn bản. Báo điện tử Chính phủ. Truy cập tại <https://tphcm.chinhphu.vn/kinh-te-tphcm-nam-2025-can-co-buoc-dot-pha-can-ban-101250131185222549.htm>.

Nguyễn Phước Bảo Ấn (2012). Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. TP. Hồ Chí Minh: NXB Phương Đông.

Phạm Quang Huy, Trần Đại Hưng, Đoàn Thị Thu và Trương Huệ Trinh (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn phần mềm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, tháng 11/2019, 31 - 41.

Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024.

Abu-Musa, Ahmad (2005). The Determinants Of Selecting Accounting Software: A Proposed Model. Review of Business Information Systems (RBIS), 9, 85-110. doi:10.19030/rbis.v9i3.4456

Jadhav Anil et al (2009). Evaluating and selecting software packages: A review. Information and Software Technology, 51, 555-563. doi:10.1016/j.infsof.2008.09.003

Venkatesh, Viswanath et al (2012). Consumer acceptance and use of information technology: extending the unified theory of acceptance and use of technology. MIS Quarterly, 157-178.

Wang, Baolu et al (2018). Perceived usefulness and perceived ease of use of new technologies described by Chinese textile and apparel firm owners and managers. Paper presented at the International Textile and Apparel Association Annual Conference Proceedings.

Ngày nhận bài: 10/2/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/2/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/3/2025

**FACTORS AFFECTING THE DECISION
TO CHOOSE ACCOUNTING SOFTWARE:
A CASE STUDY OF TRADE AND SERVICE ENTERPRISES
IN HO CHI MINH CITY**

● **LE NGOC DOAN TRANG¹**

● **TRAN KIM TU²**

¹ Lecturer, Saigon University

² Students, Saigon University

ABSTRACT:

The study aims to examine the factors influencing the selection of accounting software in trade and service enterprises located in Ho Chi Minh City. A survey method was employed, with 144 questionnaires distributed and 94 valid responses collected from enterprises of varying sizes and sectors within the trade and service industry. The research findings identified five key factors affecting the choice of accounting software in these enterprises: The cost of accounting software, its features, the enterprise's specific requirements for using the software, the perceived ease of use, and the support provided by the accounting software vendor.

Keywords: Selection of accounting software, accounting software, trade and service enterprises.